

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2018

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Nhị Hồng

* Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đại Hải

2. Ông Đặng Ngọc Hương

* Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2017/TLST - HNGĐ ngày 17/5/2017 về “**Ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

* **Bị đơn:** Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân Hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền có ông : Đoàn Minh H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch B, chi nhánh Thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Lê Thị Phi Y, sinh năm 1978

Nơi cư trú: TDP H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H trình bày:**

Bà và ông Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu nhau trong thời gian 02 năm, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi, được Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 09/11/2004. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra trên nhiều mặt, thường xuyên cãi lộn nhau. Ông T hay uống rượu say, khi bà khuyên nhủ thì có hành động vũ phu đối với bà. Do bất đồng quá lớn nên bà đưa con về sống với cha mẹ chồng 02 năm để ông T có thời gian suy nghĩ và thay đổi nhưng không có kết quả nên bà đã đưa 02 con ra ngoài thuê nhà sống đến nay đã hơn một năm. Bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh T

Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc H và ông Lê Thanh T có 02 con chung là các cháu Lê Thanh T, sinh ngày 13/11/2005 và Lê Quỳnh Anh T, sinh ngày: 16/7/2012. Bà Võ Thị Ngọc H yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung và yêu cầu ông Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung:** Trong đơn khởi kiện, bà Võ Thị Ngọc H xác định vợ có tài chung gồm:

+ 01 căn nhà 02 tầng cất trên thửa đất số 645 tờ bản đồ số 33, có diện tích 160m² tọa lạc tại Thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548 ngày 24/12/2007 cho vợ chồng ông bà.

+ 01 căn nhà trệt làm xưởng sản xuất cất trên thửa đất số 644 tờ bản đồ số 33, có diện tích 130m² tọa lạc tại Thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: AH 322699 ngày 24/12/2007 cho bà Lê Thị C, sau đó bà C sang nhượng lại cho bà Lê Thị Phi Y, Bà Y tiếp tục sang nhượng lại cho bà và ông Lê Thanh T với giá thời điểm đó là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tuy nhiên ông bà chưa làm thủ tục sang tên và 01 lô đất lâm nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận

Hiện nay hai tài sản là nhà đất nói trên ông bà đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa để vay vốn để mua 01 xe ben và 01 máy xúc trị giá khoảng 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Toàn bộ nhà đất và 02 xe trên đều do ông Lê Thanh T đang quản lý sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Ngọc H đã có đơn rút một phần yêu cầu. Tại phiên tòa, bà chỉ yêu cầu HĐXX xem xét phân chia tài sản chung đối với căn nhà 02 tầng cùng quyền sử dụng lô đất thửa đất số 645 tờ bản đồ số 33, có diện tích 160m² tọa lạc tại Thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa và 01 xe

tải tự đồ nhãn hiệu CHIEN THANG biển số 79C -019.56 theo hướng giao cho ông T quản lý, sử dụng QSD đất và sở hữu các tài sản chung nêu trên. Ông T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà ½ giá trị tài sản chung.

Riêng đối với số tiền vợ chồng ông bà vay của ngân hàng để đầu tư mua xe tải, xe xúc. Từ khi mua đến nay, các xe trên đều do ông T khai thác lợi nhuận nên ông T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

*** Tại bản tự khai ngày 30/5/2017, 24/8/2017, 18/9/2017, 01/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:**

Ông kết hôn với bà Võ Thị Ngọc H vào năm 2004 cho đến năm 2017 đã có 02 con chung.

Quá trình chung sống, quan hệ gia đình ông bà rất bình đẳng và yêu thương đùm bọc nhau, trong gia đình ông là trụ cột, là người lao động chính tạo ra thu nhập, kinh tế gia đình. Bản thân ông không có lỗi gì với bà H mà do bà H thay đổi tính tình, không còn yêu thương ông, ông tìm hiểu thì được biết bà H đã chung sống với người phụ nữ khác nên nằng nặc xin ly hôn với ông. Việc bà H yêu cầu ly hôn là việc riêng của bà, ông không đồng ý ly hôn bà Võ Thị Ngọc H vì ông không muốn các con thiếu tình cảm của cha mẹ.

Ông bà có hai con chung là các cháu Lê Thanh T, sinh ngày 13/11/2005 và Lê Quỳnh Anh T, sinh ngày: 16/7/2012. Nếu bà H muốn ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp trông nom chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng có các tài sản đúng như bà H đã khai tại phiên tòa hôm nay, nguồn gốc lô đất là do cha mẹ ông cho ông nhưng khi ông kết hôn với bà H, ông đã đồng ý để bà H đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia tài sản chung. Ông để toàn bộ tài sản cho các con, nếu bà H muốn thì bà về sống trong nhà đất nêu trên, ông không có ý kiến.

Riêng đối với khoản vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để mua xe tải và xe múc, ông thừa nhận những năm qua, xe do ông quản lý và khai thác trả tiền ngân hàng nên ông không yêu cầu bà H phải trả ngân hàng cùng ông. Hiện nay, ông đã tất toán xong toàn bộ dư nợ tại Ngân hàng.

*** Tại văn bản ngày 03/8/2017, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:**

Ông Lê Thanh T và vợ là bà Võ Thị Ngọc H đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng với ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để vay tổng số tiền là 360.000.000 đồng với mục đích sửa nhà, mua xe đào và sửa chữa xe tải ben. Đến ngày 03/8/2017 ông T và bà H còn nợ gốc và lãi tổng cộng là 186.672.708 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Lê Thanh t và bà Võ Thị Ngọc H phải tất toán toàn bộ số tiền trên khi ông bà ly hôn.

Ngày 03/4/2018, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xác định ông Lê Thanh T đã tất toán toàn bộ dư nợ tại ngân hàng và rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phi Y trình bày:** bà là chủ sở hữu lô đất số 644, tờ bản đồ số 33 diện tích 130 m² tọa lạc tại thôn M, xã C, được UBND thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 322699, số vào sổ H00547 ngày 19/9/2007 cho bà Trần Thị C. Ngày 24/12/2007 bà nhận chuyển nhượng từ bà C theo hợp đồng số 198 ngày 7/12/2007 được UBND xã C chứng thực. Thửa đất trên bà chưa làm thủ tục chuyển nhượng hay tặng cho ai. Việc bà H và ông T tranh chấp, bà không có ý kiến gì và cũng không liên quan gì.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Phi Y trong quá trình giải quyết vụ án vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: chấp nhận cho bà Võ Thị Ngọc H được ly hôn ông Lê Thanh T; Giao cho bà H nuôi dưỡng 02 con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu; Giao cho ông T quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản chung, ông T hoàn lại cho bà H ½ giá trị tài sản chung. Ông T phải hoàn lại cho bà H ½ chi phí định giá tài sản. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H đã giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); giấy khai sinh Lê Thanh T, Lê Quỳnh Anh T (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân Võ Thị Ngọc H, Lê Thanh T (bản photo); Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Thanh T (bản sao); Hợp đồng mua bán tài sản ngày 04/12/2014 (bản chính); Giấy chứng nhận QSD đất số H00547 ngày 19/9/2007 (bản photo); Giấy chứng nhận QSD đất số H00548 ngày 19/9/2007 (bản photo); Giấy chứng nhận QSD đất số 00400 QSD Đ/CT-CR ngày 18/6/1997 và giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 09/10/1999 (bản photo).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam giao nộp: Giấy đề nghị vay vốn ngày 14/5/2014 và 01/12/2014 (bản photo); Hợp đồng tín dụng số 4702 – LAV- 201401839/HĐTD ngày 16/5/2014 Hợp đồng tín dụng số 4702 – LAV- 201404509/HĐTD ngày 01/12/2014 (bản photo); Hợp đồng thế chấp tài sản số BN1214.108506449B/BĐTV-BL ngày 01/12/2014 và Hợp đồng thế chấp tài sản số BN1214.108506449A/BĐTV-BL ngày 01/12/2014 (bản

photo); Phụ lục hợp đồng số 4702 – LAV- 201401839/PLHĐ ngày 16/5/2014 (bản photo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Võ Thị Ngọc H xin ly hôn ông Lê Thanh T. Yêu cầu của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Phi Y và Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên

[2]. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Võ Thị Ngọc H và ông Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới, được Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 09/11/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn vì không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Cả ông Lê Thanh T và bà Võ Thị Ngọc H đều cho rằng vợ hoặc chồng mình không còn chung thủy với mình.

Ông Lê Thanh T không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng xác định bà H đã thay đổi tính tình, không còn thương yêu ông. Thời gian vợ chồng xa cách đã rất lâu, ông cũng nhiều lần thuyết phục bà H đưa các con trở về chung sống với ông nhưng bà H kiên quyết từ chối. Ngoài ra, ông cũng không tìm biện pháp nào khác để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy: Mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Võ Thị Ngọc H xin ly hôn với ông Lê Thanh T là có cơ sở, phù hợp Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

- **Về con chung:** Bà Võ Thị Ngọc H và ông Lê Thanh T có 02 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 13/11/2005 và Lê Quỳnh Anh T, sinh ngày: 16/7/2012.

Xét: Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chung chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm đảm bảo cho con phát triển tốt nhất cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hai cháu T và T đều còn nhỏ, cháu T là con gái rất cần sự chăm sóc của người mẹ và lâu nay cả 02 cháu đang do bà H nuôi dưỡng. Bà H có công việc ổn định nên đảm bảo việc chăm sóc các con, cháu T có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc H yêu cầu ông Lê Thanh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Trung bình mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) là phù hợp với thực tế nên HĐXX chấp nhận.

- **Về tài sản chung:** Theo biên bản kê đo định giá tài sản lập ngày 14/6/2017 và biên bản định giá tài sản bổ sung ngày 26/02/2018, tài sản chung của ông Lê

Thanh T và bà Võ Thị Ngọc H được ông bà thừa nhận tại phiên tòa hôm nay bao gồm:

01 lô đất thuộc thửa đất số 645, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548 ngày 24/12/2007 cho ông Lê Thanh T và bà Võ Thị Ngọc H diện tích đo vẽ thực tế: 150,3 m² trị giá: 84.168.000 đồng

Trên đất có:

- 01 nhà 02 tầng, khung trụ bê tông cốt thép, tường lát gạch, cửa gỗ, bên trong có nhà vệ sinh và hầm tự hoại hoàn chỉnh, nền lát gạch Ceramic, mái tole, diện tích 94,5 m², tỉ lệ còn lại: 70%; trị giá: 261.954.400 đồng;

- 01 nhà tạm thuộc nhà trệt, nền lát gạch Ceramic chái khung trụ xà gỗ sắt, mái lợp tole, cửa sắt, tường gạch sơn nước; diện tích: 40,3m², tỉ lệ còn lại: 50%; trị giá: 35.262.500 đồng

- Mái che, khung trụ sắt, mái lợp tole, nền xi măng, diện tích: 7,9m², tỉ lệ còn lại: 50%; trị giá: 3.417.540 đồng

01 xe tải tự đổ nhãn hiệu Chiến thắng CT3, màu xanh, tải trọng 3250 kg, tỉ lệ còn lại: 70% trị giá 210.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản: 594.802.440 đồng.

HĐXX xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thanh T xác định đất có nguồn gốc từ mẹ ông sang nhượng cho ông nhưng tại phiên tòa, ông xác định đã tự nguyện nhập lô đất nêu trên vào tài sản chung của vợ chồng và thừa nhận các tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H được chia đôi tài sản chung và được nhận giá trị tài sản chung là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Cụ thể: Ông Lê Thanh T được quản lý, sử dụng lô đất nêu trên và sở hữu các tài sản trên đất cùng chiếc xe tải tự đổ. Ông Lê Thanh T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị Ngọc H 297.401.220 đồng.

Đối với khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ông Lê Thanh Tú xác định từ khi vay để mua xe đến nay, ông là người quản lý, khai thác lợi nhuận của xe nên ông chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, ông không yêu cầu bà H trả nợ cùng ông, hiện nay ông đã tắt toán toàn bộ số dư nợ tại Ngân hàng nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam rút yêu cầu khởi kiện nên HĐXX đình chỉ yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản có tranh chấp trong vụ án là 4.894.000 đồng. Bà Võ Thị Ngọc H đã nộp tạm ứng chi phí nêu trên nên ông Lê Thanh T có nghĩa vụ hoàn lại ½ chi phí định giá tài sản cho bà Võ Thị Ngọc H là 2.447.000 đồng.

[3]. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn”; Ông Lê Thanh T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”; Bà Võ Thị Ngọc H, ông Lê Thanh T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm về “chia tài sản chung” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H được ly hôn ông Lê Thanh T.

[2]. Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 13/11/2005 và Lê Quỳnh Anh T, sinh ngày: 16/7/2012.

Ông Lê Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Trung bình mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi các cháu Thanh T và Anh T lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Giao cho ông Lê Thanh T quản lý sử dụng quyền sử dụng lô đất thuộc thửa đất số 645, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548 ngày 24/12/2007 cho ông Lê Thanh T và bà Võ Thị Ngọc H, diện tích thực tế: 150,3 m² trị giá: 84.168.000 đồng (Kèm theo trích đo địa chính thửa đất).

Ông Lê Thanh T được sở hữu các tài sản:

- 01 nhà 02 tầng, khung trụ bê tông cốt thép, tường lát gạch, cửa gỗ, bên trong có nhà vệ sinh và hầm tự hoại hoàn chỉnh, nền lát gạch Ceramic, mái tole, diện tích 94,5 m², tỉ lệ còn lại: 70%; trị giá: 261.954.400 đồng;

- 01 nhà tạm thuộc nhà trệt, nền lát gạch Ceramic chái khung trụ xà gồ sắt, mái lợp tole, cửa sắt, tường gạch sơn nước; diện tích: 40,3m², tỉ lệ còn lại: 50%; trị giá: 35.262.500 đồng

- Mái che, khung trụ sắt, mái lợp tole, nền xi măng, diện tích: 7,9m², tỉ lệ còn lại: 50%; trị giá: 3.417.540 đồng

- 01 xe tải tự đổ nhãn hiệu Chiến thắng CT3, màu xanh, tải trọng 3250 kg, tỉ lệ còn lại: 70% trị giá 210.000.000 đồng

Ông Lê Thanh T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị Ngọc H 297.401.220 (Hai trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một ngàn hai trăm hai mươi) đồng.

Ông Lê Thanh T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất đã được Tòa án giao quản lý, sử dụng.

[4]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

[5] Ông Lê Thanh T phải hoàn lại cho bà Võ Thị Ngọc H $\frac{1}{2}$ chi phí định giá tài sản là 2.447.000 đồng.

Quy định: Kể từ ngày bà Võ Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Thanh T chưa thi hành xong khoản tiền phải hoàn lại cho nguyên đơn và tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” và 14.870.061 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Chia tài sản chung” nhưng được trừ vào 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011677 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, bà Võ Thị Ngọc H tiếp tục phải nộp 11.120.061 án phí DSST.

Ông Lê Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “cấp dưỡng nuôi con” và 14.870.061 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Chia tài sản chung”, Như vậy, ông Lê Thanh T phải nộp 15.170.061 án phí DSST.

Hoàn lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 4.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011840 ngày 09/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Lê Thanh T và bà Võ Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C
- CCTHCDS TP. C;
- UBND xã C
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

